# Chi tiết mã HS 7210.11

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 7210.11 |
| **Mô tả hàng hóa** | Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã dát phủ (clad), phủ, mạ (coated) hoặc tráng (plated) / - Được phủ, mạ hoặc tráng thiếc: / - - Có chiều dày từ 0,5 mm trở lên: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 08/11/2026 07:02:26 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://vietnamtariff.com/hs-code/721011/ |

## 2 dòng thuế thuộc 7210.11

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 7210.11.10 | Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã dát phủ (clad), phủ, mạ (coated) hoặc tráng (plated) / - Được phủ, mạ hoặc tráng thiếc: / - - Có chiều dày từ 0,5 mm trở lên: / - - - Có hàm lượng carbon từ 0,6% trở lên tính theo khối lượng | kg | 7,5% | 5% | 10 / 8 (nhiều mức) |
| 7210.11.90 | Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã dát phủ (clad), phủ, mạ (coated) hoặc tráng (plated) / - Được phủ, mạ hoặc tráng thiếc: / - - Có chiều dày từ 0,5 mm trở lên: / - - - Loại khác | kg | 7,5% | 5% | 10 / 8 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.